

Số: /KH-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn I: từ năm 2022 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (Sau đây viết tắt là Chương trình);

2. Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

3. Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

4. Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy Ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

5. Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

6. Kết luận số 380-KL/TU ngày 28/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh;

7. Kết luận số 217-KL/TU ngày 15/4/2022 của Thường trực Tỉnh ủy Phiên thứ 16 năm 2022;

8. Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh thông qua kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2022.

9. Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Theo đề nghị của Ban Dân tộc tại Tờ trình số 35/TTr-BDT ngày 25/8/2022, Công văn số 395/BDT-KHTH ngày 20/9/2022,

UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh (viết tắt là Kế hoạch), cụ thể như sau:

II. MỤC TIÊU VÀ CHỈ TIÊU PHÂN ĐẦU ĐẾN NĂM 2025

1. Mục tiêu tổng quát

Khai thác tiềm năng, lợi thế của các địa phương trong tỉnh, đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; giảm nghèo bền vững, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống so với vùng phát triển; giảm dần địa bàn đặc biệt khó khăn; quy hoạch, sắp xếp ổn định dân cư, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, liên vùng, liên kết với các vùng phát triển; cải thiện rõ rệt đời sống của nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số; phát triển toàn diện giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người dân tộc thiểu số (DTTS); xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu đi đôi với giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc; xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; củng cố tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể đến năm 2025

a. Mục tiêu cụ thể

- Phân đầu mức thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số tăng trên 02 lần so với năm 2020; tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số mỗi năm giảm từ 1.000 hộ trở lên.

- 100% thôn, ấp có đường giao thông đến trung tâm xã được cứng hóa; 100% số trường, lớp học được xây dựng kiên cố, trang bị đủ các hạng mục thiết bị học tập; 100% trạm y tế cấp xã được trang bị các máy móc, đào tạo nâng cao chuyên môn đáp ứng nhu cầu khám, điều trị được đảm bảo; 100% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp; 99% đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 100% đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh.

- Sắp xếp, bố trí ổn định 95% số hộ di cư không theo quy hoạch; các khu vực có nguy cơ xảy ra ngập lũ, sạt lở... Giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, nhà ở và đất sản xuất (chuyển đổi nghề, tạo sinh kế...) cho đồng bào DTTS.

- Tỷ lệ học sinh học DTTS ở các cấp học: mẫu giáo 5 tuổi đến trường trên 98%, học sinh trong độ tuổi học tiểu học trên 97%, học trung học cơ sở trên 95%,

học trung học phổ thông trên 80%; người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông trên 90%.

- Tăng cường công tác y tế để đồng bào DTTS được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại; tiếp tục khống chế, tiến tới loại bỏ dịch bệnh ở vùng đồng bào DTTS và miền núi; 98% đồng bào DTTS tham gia BHYT. Trên 90% phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân xuống dưới 10%.

- Phấn đấu 50% lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số.

- Bảo tồn, đầu tư và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS; trên 90% thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng; 80% thôn có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

- Đào tạo, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số, nhất là các DTTS còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù trên địa bàn tỉnh. Bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS phù hợp với tỷ lệ cán bộ, công chức ở từng đơn vị và phù hợp với tỷ lệ dân số là người dân tộc thiểu số ở từng địa phương.

b. Một số nhiệm vụ, chỉ tiêu chủ yếu

- Giải quyết đất ở cho 906 hộ; hỗ trợ nhà ở cho 2.628 hộ (sửa nhà ở là 756 hộ và xây mới 1.872 hộ); hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề, sinh kế, giải quyết việc làm cho 5.017 hộ.

- Hỗ trợ giải quyết nước sinh hoạt phân tán cho 3.500 hộ; đầu tư xây dựng 10 công trình cấp nước sinh hoạt tập trung ở xã chưa có công trình nước sinh hoạt tập trung (hoặc cải tạo các công trình giếng nước tập trung đã đầu tư các chương trình khác thời hạn trên 10 năm nay chưa có kinh phí duy tu sửa chữa, nâng cấp); hỗ trợ kéo điện sinh hoạt cho 960 hộ; hỗ trợ xây dựng nhà vệ sinh cho 768 hộ.

- Nhựa hóa, bê tông hóa hoặc cứng hóa tối thiểu 50km đường nông thôn phục vụ sản xuất, đời sống Nhân dân; xây dựng 05 công trình điện.

- Xây dựng, tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học cho 07 trường phổ thông dân tộc nội trú và 01 trường tiểu học vùng đồng bào DTTS và miền núi.

- Trên 90% phụ nữ có thai được phổ biến kiến thức, khám thai định kỳ, hỗ trợ y tế, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; hỗ trợ tăng cường dinh dưỡng cho 100% trẻ em suy dinh dưỡng vùng đồng bào DTTS.

- Đào tạo nghề cho khoảng 1.000 người; tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho khoảng 450 hộ đồng bào DTTS và hộ dân tộc Kinh nghèo, cận nghèo ở xã đặc biệt khó khăn.

- Tổ chức 04 lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể; thực hiện đầu tư bảo tồn 02 làng, bản... truyền thống tiêu biểu của các DTTS gắn với phát triển du lịch; hỗ trợ đầu tư xây dựng 100% thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn, ấp vùng đồng bào DTTS và miền núi; bảo tồn 03 lễ hội truyền thống tiêu biểu; nghiên cứu, phục dựng, bảo tồn 03 chương trình phát triển văn hóa phi vật thể; hỗ trợ 30 đội văn nghệ được thành lập tại Nhà văn hóa-khu thể thao thôn, ấp vùng đồng bào DTTS và miền núi; xây dựng cho 30 tủ sách cho các Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, ấp vùng đồng bào dân tộc thiểu số; hỗ trợ trang thiết bị cho 30 nhà văn hóa; hỗ trợ đầu tư xây dựng 02 điểm đến du lịch tiêu biểu vùng DTTS; Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp 01 di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số; tổ chức ngày hội, giao lưu, liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào DTTS theo khu vực và toàn quốc...

- Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ trong hệ thống chính trị cơ sở; hỗ trợ, tạo điều kiện cho người có uy tín trong cộng đồng làm hạt nhân chính trị, nòng cốt cơ sở; bồi dưỡng kiến thức về chính sách dân tộc, công tác dân tộc.

- Hỗ trợ cho khoảng 8.748 hộ được vay vốn từ ngân hàng chính sách xã hội với lãi suất bằng 50% lãi suất cho vay hộ nghèo và thời hạn vay tối đa là 15 năm để mua đất ở, xây dựng nhà ở và phát triển sản xuất, chăn nuôi, dịch vụ...

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, ĐỊNH MỨC, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi thực hiện

a) Chương trình được triển khai thực hiện trên địa bàn các xã, phường, thị trấn (xã), thôn, ấp (thôn) vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên phạm vi của tỉnh; Trong đó, ưu tiên nguồn lực đầu tư cho địa bàn đặc biệt khó khăn (ĐBK) thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS và MN).

b) Triển khai địa bàn cả tỉnh áp dụng thực hiện nhóm chính sách hỗ trợ cho hộ DTTS nghèo tại Dự án 1 (Tích hợp, lồng ghép Chương trình đặc thù của tỉnh giảm 1.000 hộ nghèo DTTS từ năm 2023).

2. Đối tượng thụ hưởng

a) Xã, thôn vùng đồng bào DTTS và MN.

b) Hộ gia đình, cá nhân người DTTS.

c) Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo sinh sống ở xã, thôn ĐBK.

d) Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã, các tổ chức kinh tế hoạt động ở địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn.

3. Định mức hỗ trợ

a) Nguồn ngân sách Trung ương theo Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy Ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương

trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (*viết tắt là Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy Ban Dân tộc*); Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (*viết tắt là Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính*).

b) Nguồn ngân sách địa phương bố trí tối thiểu theo quy định tại điều 4 của Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước (*viết tắt là Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh*) và nguồn vốn ngân sách tỉnh thực hiện lồng ghép Chương trình đặc thù giảm 1.000 hộ nghèo DTTS trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 - 2025.

c) Nguồn vốn vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh theo quy định tại Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (*viết tắt là Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ*);

d) Nguồn lồng ghép hỗ trợ xây dựng nhà ở từ quỹ vận động của Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và nguồn vận động hợp pháp khác theo quy định.

4. Thời gian thực hiện: Từ năm 2022 đến năm 2025.

IV. NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN

Thực hiện theo quy định tại Điều 4 của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Điều 3 Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy Ban Dân tộc.

V. CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình giai đoạn I, từ năm 2022 đến năm 2025 được thực hiện đồng bộ theo 10 dự án thành phần, trong đó có 12 tiểu dự án và 30 nội dung đầu tư, hỗ trợ; chi tiết theo các dự án thành phần cụ thể như sau:

1. DỰ ÁN 1: GIẢI QUYẾT TÌNH TRẠNG THIẾU ĐẤT Ở, NHÀ Ở, ĐẤT SẢN XUẤT, NƯỚC SINH HOẠT:

a) **Đối tượng thụ hưởng:** Hộ dân tộc thiểu số nghèo; hộ dân tộc Kinh nghèo sinh sống ở xã, thôn ĐBKK vùng đồng bào DTTS và MN chưa có đất ở; chưa có nhà ở hoặc nhà ở bị dột nát, hư hỏng; làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp

nhưng không có hoặc thiếu trên 50% đất sản xuất theo định mức quy định của địa phương; có khó khăn về nước sinh hoạt; chưa có nhà vệ sinh; chưa có điện sinh hoạt; Ưu tiên hộ nghèo DTTS thuộc danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù; hộ nghèo có phụ nữ là chủ hộ và là lao động duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng người thân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến độ tuổi lao động.

b) Nội dung: Thực hiện theo điểm c khoản 1 mục III của Chương trình (ban hành kèm theo tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ) và các nội dung chính sách hỗ trợ đặc thù của tỉnh trong Chương trình giảm 1000 hộ nghèo DTTS (từ năm 2023 đến năm 2025) như: Xây dựng nhà ở, hỗ trợ xây dựng nhà vệ sinh, kéo điện sinh hoạt. Cụ thể theo phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

c) Phân công thực hiện:

- Ban Dân tộc là cơ quan chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện Dự án.

- UBND cấp huyện có liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện Dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất.

d) Dự kiến nguồn vốn thực hiện Dự án 1: 563.116 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 182.004 triệu đồng (vốn đầu tư là 121.334 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 60.670 triệu đồng).

- Ngân sách địa phương đối ứng thực hiện Chương trình: 27.301 triệu đồng (vốn đầu tư là 18.200 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 9.101 triệu đồng).

- Vay NH chính sách XH: 51.600 triệu đồng;

- Nguồn đầu tư công ngân sách tỉnh thực hiện 3 năm (2023 - 2025) chương trình đặc thù giảm 1.000 hộ nghèo DTTS tích hợp lồng ghép là 148.827 triệu đồng.

- Huy động, lồng ghép hợp pháp khác: 153.384 triệu đồng.

2. DỰ ÁN 2: QUY HOẠCH, SẮP XẾP, BỐ TRÍ, ỔN ĐỊNH DÂN CƯ VÙNG ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN VÀ NHỮNG NƠI CẦN THIẾT

a) Đối tượng, địa bàn áp dụng: Hộ gia đình được bố trí ổn định theo hình thức tái định cư tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm: Hộ đồng bào dân tộc thiểu số còn du canh, du cư; hộ gia đình cá nhân di cư tự do đến địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn; hộ gia đình, cá nhân sống ở địa bàn đặc biệt khó khăn; hộ gia đình, cá nhân tự nguyện di chuyển đến sinh sống ở các xã biên giới, các điểm bố trí dân cư tập trung hoặc được bố trí đến sinh sống ổn định ở các xã biên giới, các điểm bố trí dân cư theo quy hoạch, kế hoạch của Nhà nước; xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Nội dung: Thực hiện theo điểm c khoản 2 mục III của Chương trình (ban hành kèm theo tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ); Cụ thể theo phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

c) Phân công thực hiện: Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành của tỉnh có liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện Dự án.

UBND cấp huyện có liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện Dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất.

d) Dự kiến nguồn vốn thực hiện Dự án 2: 499.045 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương là 433.952 triệu đồng (vốn đầu tư là 432.984 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 986 triệu đồng).

- Ngân sách địa phương là: 65.093 triệu đồng (vốn đầu tư là 64.947 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 146 triệu đồng).

3. DỰ ÁN 3: PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP BỀN VỮNG, PHÁT HUY TIỀM NĂNG, THẾ MẠNH CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG ĐỂ SẢN XUẤT HÀNG HÓA THEO CHUỖI GIÁ TRỊ

a) Tiểu Dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân

- **Đối tượng và nội dung thực hiện:** Theo điểm a, khoản 3 mục III của Chương trình (ban hành kèm theo tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ) và phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

- **Phân công thực hiện:**

+ Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn là cơ quan chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tỉnh liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện Dự án.

+ UBND cấp huyện có liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện Dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất.

- **Dự kiến vốn thực hiện là:** 65.096 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 56.605 triệu đồng (vốn sự nghiệp);

+ Ngân sách địa phương: 8.491 triệu đồng (vốn sự nghiệp);

b) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

- **Nội dung số 1:** Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị.

- **Nội dung số 2:** Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào DTTS & MN.

+ **Đối tượng và nội dung thực hiện:** Theo điểm b khoản 3 mục III Chương trình (ban hành kèm theo tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ) và Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

+ **Phân công thực hiện**

* Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan hướng dẫn triển khai các hoạt động thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS.

* Sở Công Thương chủ trì hướng dẫn thực hiện nội dung hỗ trợ thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào DTTS.

* UBND huyện, thị xã, thành phố có liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện các nội dung liên quan trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện các nội dung theo định kỳ, đột xuất.

+ **Dự kiến vốn thực hiện là:** 79.256 triệu đồng, trong đó:

* Ngân sách Trung ương: 25.440 triệu đồng (vốn sự nghiệp);

* Ngân sách địa phương: 3.816 triệu đồng (vốn sự nghiệp);

* Vay Ngân hàng CSXH là: 50.000 triệu đồng.

d) Dự kiến nguồn vốn thực hiện Dự án 3: 144.352 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương là 82.045 triệu đồng (vốn sự nghiệp)

- Ngân sách địa phương là: 12.307 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

- Vay Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh: 50.000 triệu đồng.

4. DỰ ÁN 4: ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU, PHỤC VỤ SẢN XUẤT, ĐỜI SỐNG TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MN

4.1. Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS

a) Phạm vi: Các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Nội dung:

- **Nội dung số 01:** Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên đối với các xã đặc biệt khó khăn, thôn ĐBK. Thực hiện theo điểm a, khoản 4, Mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ) và Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

- **Nội dung số 02:** Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng biên giới đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Thực hiện theo điểm a, khoản 4, mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

c) Phân công thực hiện:

- Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện dự án và hướng dẫn thực hiện nội dung số 01;

- Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện Nội dung số 02.

- UBND cấp huyện có liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

d) Dự kiến nguồn vốn thực hiện Dự án 4: 208.138 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 180.990 triệu đồng (vốn đầu tư là 170.435 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 10.555 triệu đồng).

- Ngân sách địa phương: 27.148 triệu đồng (vốn đầu tư là 25.565 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 1.583 triệu đồng).

5. DỰ ÁN 5: PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀO TẠO NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC

a) Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (DTNT), và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số

- **Đối tượng và nội dung:** Thực hiện theo điểm a khoản 5 Mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

- Phân công thực hiện:

+ Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ngành của tỉnh có liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện dự án.

+ UBND cấp huyện có liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

- Dự kiến nguồn vốn thực hiện là: 50.278 triệu đồng, bao gồm:

+ Ngân sách Trung ương: 43.720 triệu đồng (vốn đầu tư là 37.268 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 6.452 triệu đồng).

+ Ngân sách địa phương: 6.558 triệu đồng (vốn đầu tư là 5.590 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 968 triệu đồng).

b) Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS.

- **Đối tượng và nội dung thực hiện:** Thực hiện theo điểm b khoản 5 Mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 306/KH-UBND ngày ngày 11/12/2020 của UBND tỉnh về đào tạo, bồi dưỡng kiến thức dân tộc và tiếng DTTS đối với cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2020 - 2025 trên địa bàn tỉnh.

- Phân công thực hiện:

+ Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các sở, ngành của tỉnh có liên quan hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện dự án.

+ UBND cấp huyện có liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

- Dự kiến nguồn vốn thực hiện: 29.785 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương là 25.900 triệu đồng (nguồn sự nghiệp).

+ Ngân sách địa phương là: 3.885 triệu đồng (nguồn sự nghiệp).

c) Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

- Đối tượng và nội dung thực hiện: Theo điểm c, khoản 5, Mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

- Dự kiến nguồn vốn thực hiện là: 118.677 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 103.197 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách địa phương: 15.480 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

- Phân công thực hiện:

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan chủ trì, phối hợp với các sở, ngành của tỉnh có liên quan hướng dẫn tổ chức, triển khai thực hiện dự án.

+ UBND cấp huyện có liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

d) Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.

- Đối tượng và nội dung thực hiện: Theo điểm d khoản 5 Mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

- Dự kiến nguồn vốn thực hiện là: 5.821 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương là 5.062 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách địa phương là: 759 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

- Phân công thực hiện:

+ Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các sở, ngành của tỉnh có liên quan hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện dự án.

+ UBND cấp huyện có liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

đ) Dự kiến nguồn vốn thực hiện Dự án 5: 204.561 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 177.879 triệu đồng (nguồn đầu tư là 37.268 triệu đồng, nguồn sự nghiệp là 140.611 triệu đồng).

- Ngân sách địa phương: 26.682 triệu đồng (nguồn đầu tư là 5.590 triệu đồng, nguồn sự nghiệp là 21.092 triệu đồng).

6. DỰ ÁN 6: BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH

a) Đối tượng và nội dung thực hiện: Theo khoản 6 Mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

b) Phân công thực hiện:

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan chủ trì, phối hợp với các sở, ngành của tỉnh có liên quan tổ chức thực hiện các nội dung được giao và hướng dẫn địa phương xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện; tổng hợp và đề xuất phân bổ các nguồn kinh phí thực hiện kế hoạch phù hợp với hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- UBND cấp huyện có liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

c) Dự kiến nguồn vốn thực hiện Dự án 6 là: 60.771 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 52.411 triệu đồng (Vốn đầu tư là 28.869 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 23.542 triệu đồng).

- Ngân sách địa phương: 8.300 triệu đồng (Vốn đầu tư là 4.768 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 3.531 triệu đồng).

7. DỰ ÁN 7: CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN, NÂNG CAO THỂ TRẠNG, TÂM VÓC NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ; PHÒNG CHỐNG SUY DINH DƯỠNG TRẺ EM:

a) Đối tượng và nội dung thực hiện: Theo khoản 7 mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

b) Phân công thực hiện:

- Sở Y tế là cơ quan chủ trì, phối hợp với các sở, ngành của tỉnh có liên quan hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện dự án.

- UBND cấp huyện có liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

c) Dự kiến nguồn vốn thực hiện Dự án 7: 11.825 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 10.283 triệu đồng (vốn sự nghiệp).
- Ngân sách địa phương: 1.542 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

8. DỰ ÁN 8: THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ CẤP THIẾT ĐỐI VỚI PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM

a) Đối tượng và nội dung thực hiện: Thực hiện theo Khoản 8 Mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 96/KH-ĐCT ngày 23/8/2022 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

b) Phân công thực hiện:

- Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh là cơ quan chủ trì, phối hợp với các sở, ngành của tỉnh có liên quan hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện dự án; đề xuất địa bàn thực hiện dự án điểm theo Kế hoạch số 96/KH-ĐCT ngày 23/8/2022 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

- UBND cấp huyện có liên quan chỉ đạo, tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án theo định kỳ, đột xuất.

c) Dự kiến nguồn vốn thực hiện Dự án 8: 12.403 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 10.785 triệu đồng (vốn sự nghiệp).
- Ngân sách địa phương: 1.618 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

9. DỰ ÁN 9: ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÓM DÂN TỘC THIỂU SỐ RẤT ÍT NGƯỜI VÀ NHÓM DÂN TỘC CÒN NHIỀU KHÓ KHĂN; GIẢM THIỂU TÌNH TRẠNG TẢO HÔN VÀ HÔN NHÂN CẬN HUYẾT THỐNG TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MN:

a) Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù

- **Đối tượng, phạm vi và nội dung:** Thực hiện theo Điểm a Khoản 9 Mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

- **Dự kiến nguồn vốn thực hiện là:** 21.924 triệu đồng. Trong đó:

- + Ngân sách Trung ương: 19.064 triệu đồng.
- + Ngân sách địa phương: 2.860 triệu đồng.

b) Tiểu dự án 2: Giám thiều tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS và MN.

- **Đối tượng và nội dung thực hiện:** Theo Điều b Khoản 9 Mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

- **Dự kiến nguồn vốn thực hiện:** 8.601 triệu đồng. Trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 7.479 triệu đồng (Vốn sự nghiệp)

+ Ngân sách địa phương: 1.122 triệu đồng (Vốn sự nghiệp).

c) Phân công thực hiện Dự án 9:

- Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các sở, ngành của tỉnh có liên quan hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện dự án.

- UBND cấp huyện có liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

d) Dự kiến nguồn vốn thực hiện Dự án 9: 30.524 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 26.543 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương: 3.981 triệu đồng.

10. DỰ ÁN 10. TRUYỀN THÔNG, TUYÊN TRUYỀN, VẬN ĐỘNG TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MIỀN NÚI; KIỂM TRA GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH:

a) Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030:

- Nội dung 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của già làng tiêu biểu, người có uy tín:

- Nội dung số 02: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số:

- Nội dung số 3: Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào DTTS và MN

+ **Đối tượng và nội dung:** Thực hiện theo điểm a khoản 10 Mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

+ **Phân công thực hiện:** Ban Dân tộc là cơ quan chủ trì, phối hợp với các sở, ngành của tỉnh có liên quan hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện dự án.

- UBND cấp huyện có liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

- Dự kiến nguồn vốn thực hiện Tiểu dự án 1: 17.252 triệu đồng. Trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 15.002 triệu đồng (Vốn sự nghiệp)

+ Ngân sách địa phương: 2.250 triệu đồng (Vốn sự nghiệp).

b) Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS và MN

- Đối tượng và nội dung: Thực hiện theo điểm b khoản 10 Mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

- Dự kiến nguồn vốn thực hiện: 3.843 triệu đồng. Trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 3.149 triệu đồng (nguồn đầu tư là 2.520 triệu đồng, nguồn sự nghiệp 629 triệu đồng).

+ Ngân sách địa phương: 694 triệu đồng (nguồn đầu tư là 600 triệu đồng, nguồn sự nghiệp là 94 triệu đồng).

- Phân công thực hiện:

+ Ban Dân tộc là cơ quan chủ trì, phối hợp với các sở, ngành của tỉnh có liên quan hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện dự án.

+ UBND cấp huyện có liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

+ Sở Thông tin Truyền thông chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc và các sở, ngành liên quan chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện nội dung “*Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự*”;

c) Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn việc tổ chức thực hiện Chương trình:

- Đối tượng và nội dung: Thực hiện theo điểm c khoản 10 Mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

- Dự kiến nguồn vốn thực hiện: 2.542 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 2.210 triệu đồng (nguồn vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách tỉnh: 332 triệu đồng (nguồn vốn sự nghiệp).

- Phân công thực hiện:

+ Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các sở, ngành của tỉnh có liên quan hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện dự án.

+ UBND cấp huyện có liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

d) Dự kiến nguồn vốn thực hiện Dự án 10: 23.637 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 20.361 triệu đồng (Nguồn đầu tư là 2.520 triệu đồng, nguồn sự nghiệp là 17.841 triệu đồng).

- Ngân sách địa phương: 3.276 triệu đồng (nguồn đầu tư là 600 triệu đồng, nguồn sự nghiệp là 2.676 triệu đồng).

VI. DỰ KIẾN TỔNG MỨC VỐN VÀ CƠ CẤU NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Dự kiến tổng nguồn vốn thực hiện giai đoạn I, từ năm 2022 đến năm 2025 là: 1.758.312 triệu đồng, trong đó:

1. Ngân sách Trung ương: 1.177.253 triệu đồng (vốn đầu tư là 793.410 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 383.843 triệu đồng).

2. Ngân sách địa phương đối ứng thực hiện Chương trình là 177.247 triệu đồng (vốn đầu tư là 119.671 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 57.576 triệu đồng).

3. Vay Ngân hàng CSXH tỉnh: 101.600 triệu đồng;

4. Nguồn lồng ghép và huy động hợp pháp khác: 153.384 triệu đồng;

5. Nguồn ngân sách tỉnh (dự kiến nguồn đầu tư) thực hiện tích hợp Chương trình đặc thù giảm 1000 hộ nghèo DTTS 03 năm (2023-2025) 148.827 triệu đồng.

** Đối với nguồn vốn sự nghiệp của Trung ương thực hiện Chương trình giai đoạn 2022-2025 dự kiến là 383.843 triệu đồng. Trong đó, năm 2022 đã được Trung ương phân bổ là 39.653 triệu đồng, còn lại là 344.190 triệu đồng Ban Dân tộc sử dụng số liệu từ Công văn số: 1964 /UBND-CTMTQG ngày 11 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban Dân tộc tổng hợp gửi Bộ Tài chính tổng hợp tham mưu trình Chính phủ Quyết định giao nguồn vốn cho các địa phương. Do vậy, hàng năm giao Ban Dân tộc tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện theo nguồn vốn được Trung ương giao theo quy định (Kèm theo biểu phụ lục).*

VII. GIẢI PHÁP, CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH THỰC HIỆN

1. Đẩy mạnh tuyên truyền mục tiêu của Chương trình sâu rộng đến mọi cấp, mọi ngành, các tầng lớp dân cư và người dân tộc thiểu số nhằm thay đổi và chuyển biến nhận thức trong công tác dân tộc, chính sách dân tộc, giảm nghèo vùng đồng bào DTTS, khơi dậy ý chí chủ động, vươn lên của người dân tộc thiểu số, nhất là hộ nghèo, cận nghèo là đồng bào DTTS.

2. Từ nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu, ngân sách tỉnh đối ứng, nguồn vốn vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội và huy động hợp pháp khác

theo quy định; thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn huy động để triển khai thực hiện, bảo đảm huy động đầy đủ, kịp thời theo đúng cơ cấu đã được quy định; tăng cường huy động vốn từ ngân sách địa phương và các nguồn huy động đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp và vận động tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh; vốn đối ứng, tham gia đóng góp của người dân, đối tượng thụ hưởng.

3. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững; tập trung cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn nhất; giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, các nhóm dân tộc thiểu số khó khăn nhất. Bảo đảm công khai, dân chủ, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân; phát huy tinh thần nỗ lực vươn lên của đồng bào dân tộc thiểu số.

4. Lồng ghép việc thực hiện các chính sách nói chung và các dự án thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi với Chương trình giảm hộ nghèo đồng bào DTTS của tỉnh; Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững; Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới ở các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh.

5. Tăng cường chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành. Phòng, chống, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong quá trình thực hiện Chương trình.

6. Trên cơ sở tổng nguồn lực được Trung ương giao, UBND tỉnh sẽ báo cáo Tỉnh ủy, trình HĐND tỉnh bố trí ngân sách, xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình 5 năm và hằng năm để giải quyết những nhu cầu bức xúc trên địa bàn theo các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình đề ra;

7. Thành lập Ban chỉ đạo cấp tỉnh: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 3276/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình Mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Bình Phước và Quyết định số 682/QĐ-BCĐ ngày 14/4/2022 của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021 - 2025 ban hành quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo các Chương trình Mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh. Cơ quan thường trực của Chương trình (Ban Dân tộc); cơ quan tổng hợp chung các Chương trình Mục tiêu quốc gia của Ban Chỉ đạo của tỉnh (Sở Kế hoạch và Đầu tư), các sở, ngành có liên quan và Chủ tịch UBND cấp huyện là thành viên Ban Chỉ đạo thực hiện theo Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo, tham mưu UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc thực hiện Chương trình đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ đề ra.

UBND cấp huyện căn cứ vào tình hình cụ thể của từng địa phương thành lập BCĐ theo hướng dẫn và quy định của Chương trình.

VIII. PHÂN CÔNG QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Dân tộc có trách nhiệm

a) Là cơ quan chủ trì quản lý Chương trình Mục tiêu quốc gia dân tộc và miền núi; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu cho UBND tỉnh,

Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức, triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình theo quy định.

b) Tổng hợp, đề xuất kế hoạch và dự kiến phương án phân bổ vốn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh để thực hiện Chương trình giai đoạn 2022 - 2025 và hằng năm, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính theo quy định;

c) Trong quá trình thực hiện Chương trình chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, cơ quan có liên quan và UBND cấp huyện tiếp tục rà soát, lựa chọn các nội dung hỗ trợ, bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm, tránh trùng lặp với các chương trình, dự án khác và các hoạt động thường xuyên của các sở, ngành, địa phương bảo đảm hiệu quả thực hiện Chương trình;

d) Theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao thực hiện rà soát, đề xuất, quyết định hoặc hướng dẫn các định mức hỗ trợ, đầu tư, bảo đảm phù hợp và tuân thủ quy định của pháp luật để làm căn cứ triển khai thực hiện Chương trình;

đ) Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp huy động hợp lý các nguồn vốn bổ sung cho Chương trình theo chủ trương đã được phê duyệt, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

e) Chủ trì xây dựng, phối hợp với các sở, ngành hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện hiệu quả Đề án thực hiện Chương trình giai đoạn 2021- 2025 và kế hoạch hằng năm sau khi được HĐND tỉnh, UBND tỉnh phê duyệt để hoàn thành các mục tiêu của Chương trình;

g) Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành thực hiện các giải pháp để tăng cường công tác phối hợp và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội trong tổ chức thực hiện Chương trình;

h) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, định kỳ, đột xuất tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình của các địa phương, tổng hợp, báo cáo theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm

a) Tổng hợp nhu cầu, dự kiến phân bổ kinh phí, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể thực hiện Chương trình vào kế hoạch 05 năm và kế hoạch hằng năm, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan liên quan và các địa phương khẩn trương rà soát Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh, báo cáo UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm: Tham mưu UBND tỉnh phân bổ, bố trí kinh phí thuộc nguồn vốn quản lý, thực hiện Chương trình, dự án, đồng thời thực hiện thẩm định, quyết toán theo quy định.

4. Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh có trách nhiệm: Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, và các cơ quan có liên quan đề xuất cơ chế, giải pháp bảo đảm huy động đủ mức vốn tín dụng chính sách tối thiểu đã được Chính phủ chỉ đạo theo quy định để thực hiện nhiệm vụ Chương trình đề ra.

5. Các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan của tỉnh được phân công chủ trì nội dung, Tiểu dự án, Dự án thành phần thuộc Chương trình có trách nhiệm

a) Tổng hợp kết quả thực hiện; hướng dẫn xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện; tổng hợp và đề xuất các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nguồn vốn và phương án phân bổ kế hoạch vốn ngân sách giai đoạn 05 năm và hàng năm giao cho các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh và các địa phương thực hiện đối với nội dung, Tiểu dự án, Dự án thành phần thuộc lĩnh vực quản lý của sở, ban, ngành, gửi Ban Dân tộc để tổng hợp vào kế hoạch chung theo quy định;

b) Lập kế hoạch vốn ngân sách giai đoạn 05 năm và hàng năm để triển khai các hoạt động phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn thực hiện Chương trình, gửi Ban Dân tộc để tổng hợp vào kế hoạch chung theo quy định;

c) Hướng dẫn các sở, ban, ngành của tỉnh và các địa phương triển khai các chỉ tiêu, nhiệm vụ và tổ chức thực hiện các nội dung, tiểu dự án, dự án thành phần thuộc Chương trình được phân công chủ trì;

d) Chịu trách nhiệm rà soát, xác định địa bàn, đối tượng, nội dung chính sách, hướng dẫn địa phương để tổ chức thực hiện bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp với các Chương trình, Dự án, Đề án khác và nhiệm vụ thường xuyên của các sở, ban, ngành, địa phương;

đ) Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc, các sở, ngành có liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện nguồn lực và các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung thành phần Chương trình được phân công chủ trì theo quy định, gửi Ban Dân tộc để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo của tỉnh;

e) Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo kết quả thực hiện nội dung thành phần và sử dụng nguồn vốn được giao gửi về Ban Dân tộc để tổng hợp;

g) Xây dựng và hướng dẫn cơ chế huy động thêm nguồn lực để thực hiện các nội dung của các sở, ban, ngành;

h) Thường xuyên, định kỳ tổ chức các đoàn kiểm tra ở các địa phương được phân công; giám sát, kiểm tra kết quả thực hiện các nội dung của Chương trình theo lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công.

6. Các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh có liên quan: Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm nghiên cứu, lồng ghép thực hiện Chương trình với các Chương trình mục tiêu, dự án khác được giao chủ trì quản lý bảo đảm hiệu quả, không chồng chéo. Các cơ quan thông tin truyền thông có trách nhiệm thực hiện

nhiệm vụ tuyên truyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao và yêu cầu của Chương trình.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh: Tham gia thực hiện giám sát, phản biện xã hội, hướng dẫn lồng ghép, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Chương trình theo quy định.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (UBND cấp huyện) có trách nhiệm

a) Rà soát, Phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình trong giai đoạn 05 năm và hàng năm bao gồm các nội dung: Kế hoạch về nguồn vốn, mục tiêu, nhiệm vụ gửi Ban Dân tộc tổng hợp chung và các Cơ quan chủ trì Dự án, Tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình theo quy định;

b) Tổ chức triển khai; giám sát, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện theo định kỳ, đột xuất;

c) Chỉ đạo, phân công trách nhiệm của từng ngành, UBND cấp xã trong việc tổ chức thực hiện Chương trình theo nguyên tắc đẩy mạnh phân cấp và đề cao tinh thần trách nhiệm cho cơ sở;

d) Căn cứ hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện theo thẩm quyền, nhiệm vụ được giao;

đ) Chỉ đạo kiện toàn hoặc thành lập mới Ban Chỉ đạo chung cho các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp huyện và phân công cơ quan tham mưu, giúp việc cho Ban Chỉ đạo cấp huyện theo quy định.

9. Các sở, ban, ngành của tỉnh và UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch để triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao; tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả, bảo đảm yêu cầu theo Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện Kế hoạch nếu có phát sinh vướng mắc cần điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Ban Dân tộc tỉnh để tổng hợp, phối hợp với các sở, ngành liên quan báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- BCĐ TW các Chương trình MTQG (để b/c);
- Ủy ban Dân tộc;
- Văn phòng điều phối CT 1719 - UBĐT;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
BTT UBMTTQVN tỉnh;
- CT, Phó CT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các thành viên BCĐ các CTMTQG tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT, KGVX (Ch-04).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Tuyết Minh